

Bản án số: 58/2024/HSST
Ngày 05 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân, bà Lâm Thị Ngọc Giàu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần T Trúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 54/2024/HSST, ngày 12 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Phan Quốc T, sinh năm 1981 tại huyện An Phú, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm Phước Thọ, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Không; cha Phan Văn Lễn (chết), mẹ Huỳnh Thị Đệ (chết); anh chị em có 6 người, bị cáo là người nhỏ nhất; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

Bà Bùi Thị Kim C, sinh năm 1955; nơi cư trú: Khóm Phước Thọ, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (Có mặt)

- Người làm chứng:

Bà Trà Thị Kim L, sinh năm 1972. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 27/02/2024, Phan Quốc T đến chùa Kỳ Viên thuộc khóm Phước Thọ, thị trấn Đa Phước, huyện An Phú để xin thức ăn. Khi đi ngang phòng ngủ của bà Bùi Thị Kim C (tu sĩ tại chùa), T phát hiện 02 điện thoại di động để trên giường, nên lén Cầm đoạt để vào túi quần mang về nhà cất giấu.

Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bà C phát hiện mất tài sản nên đến Công an thị trấn Đa Phước trình báo sự việc. Qua xác minh, Công an tiến hành mời Phan

Quốc T đến trụ sở làm việc thì T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp lại các điện thoại đã lấy trộm.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG.TTHS ngày 06/03/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Phú, tỉnh An Giang xác định:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu trắng bạc, số imei 357625088674471, đã qua sử dụng có giá 830.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 7, 256GB, số seri F2LV3QGTHX9J, màu đỏ, đã qua sử dụng có giá 2.150.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản: 2.980.000 đồng.

Ngày 16/5/2024, Phan Quốc T bị khởi tố để điều tra.

Cáo trạng số: 49/CT-VKSAP-HS ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Phan Quốc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Bị cáo Phan Quốc T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bà Bùi Thị Kim C, bà Trần Thị Kim L trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Bà C đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đồng thời bà C xin tha thứ cho bị cáo T.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Quốc T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng. Đề nghị không áp dụng hình phạt phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Phan Quốc T không có ý kiến tranh luận, hứa cải tạo tốt và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng. Căn cứ vào các lời khai; Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 15/4/2024; kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có căn cứ xác định:

Khoảng 17 giờ ngày 27/02/2024, Phan Quốc T có hành vi lén lút Cầm đoạt 02 điện thoại di động có tổng giá trị 2.980.000 đồng của bà Bùi Thị Kim C. Phan Quốc T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Từ đó có cơ sở kết luận, hành vi của Phan Quốc T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt đến 3 năm tù. Xác định truy tố của Viện kiểm sát đối với Phan Quốc T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo Phan Quốc T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là vì lười lao động, thiếu ý thức chấp hành pháp luật, cùng với sự sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu. Mục đích bị cáo phạm tội là vì lợi ích vật chất, bán lấy tiền tiêu xài.

Bị cáo T là người khỏe mạnh bình thường, có khả năng tìm việc làm hợp pháp nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình nhưng bị cáo lại không làm như thế mà lại dấn thân vào con đường phạm tội. Bị cáo biết rõ việc Cầm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó cần xử lý nghiêm để răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo mới phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu; bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, cha mẹ chết sớm, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, mới phạm tội lần đầu, thật sự ăn năn hối cải, thời gian tại ngoại chấp hành tốt các quy định; bị hại cũng xin tha thứ cho bị cáo. Nhận thấy không cần thiết áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đảm bảo răn đe và phòng ngừa chung; đồng thời để bị cáo có điều kiện lao động lo cho cuộc sống gia đình, nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét bị cáo mới phạm tội lần đầu, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị mất trộm đã được thu hồi, trao trả cho bị hại bà Bùi Thị Kim C. Tại phiên tòa bà C không yêu cầu gì khác nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Quốc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Quốc T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 05/8/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Quốc T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt bị cáo Phan Quốc T, bị hại Bùi Thị Kim C. Thời hạn kháng cáo của bị cáo và bà C là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- NTG Công an huyện An Phú (2);
- CC THADS huyện An Phú (1);
- Phòng HS Công an tỉnh (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND TT Đa Phước (1);
- Các bị cáo (1);
- Đường sự (1);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu

